

Số: *10* /2018/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày *06* tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ  
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 11697/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quy định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho đề tài khoa học và công nghệ cơ sở từ ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

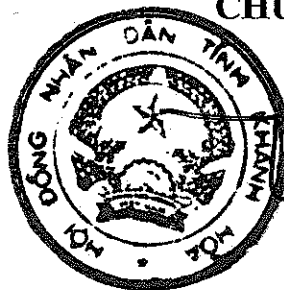
3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khoá VI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

*Nơi nhận:* *uu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Phòng KT VBQPPL - Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, KN.

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Tấn Tuân*

**Nguyễn Tấn Tuân**

## **QUY ĐỊNH**

**Mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;  
Nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /2018/NQ-HĐND  
ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định mức kinh phí hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Khánh Hòa.

### **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Mức hỗ trợ tối đa và đối ứng đối với hoạt động KH&CN cấp cơ sở**

1. Mức kinh phí hỗ trợ cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Tối đa 200.000.000 đồng/ nhiệm vụ.

2. Mức kinh phí đối ứng của các đơn vị chủ trì thực hiện (trừ các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh): Tối thiểu 20% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Mức hỗ trợ cho các Sở, ngành, đơn vị, địa phương hoạt động triển khai nhiệm vụ KH&CN tại cơ sở: Tối đa 10 triệu đồng/ năm/đơn vị, từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh.

#### **Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN**

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng

ngân sách nhà nước.

**Điều 5. Định mức dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước**

**1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:**

Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN, tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN và tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Trong đó, Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1**

<b>ST T</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Hệ số tiền công ngày (<math>H_{stcn}</math>) đối với nhiệm vụ KH&amp;CN cấp tỉnh</b>	<b>Hệ số tiền công ngày (<math>H_{stcn}</math>) đối với nhiệm vụ KH&amp;CN cấp cơ sở</b>
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,32
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,39	0,20
3	Thành viên	0,20	0,12
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,10

**2. Định mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu để triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.**

a) Thuê chuyên gia trong nước, thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Trong đó, định mức thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

b) Thuê chuyên gia ngoài nước thực hiện theo Điểm b Khoản 2 Điều 7 và chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo Khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

**3. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê quốc gia.**

**4. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu**

Nội dung và định mức chi hội thảo phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND

ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ chi tiêu tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh Khánh Hòa tổ chức và chi tiêu khách trong nước; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học được quy định tại Bảng 2.

**Bảng 2**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ trì	buổi	900	450
2	Thư ký	buổi	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Lần	500	250
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng	báo cáo	500	250
5	Thành viên tham gia hội thảo	buổi	150	80

5. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi quy định tại bảng 3.

**Bảng 3**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		600
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		300
	Thư ký hành chính		120
	Đại biểu được mời tham dự		100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên, hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng trừ thành viên phản biện)		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		350

## 6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước; các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì. Mức chi dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 10 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

7. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

### Điều 6. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

### Điều 7. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các hội đồng

a) Chi tiền công, thực hiện theo mức chi quy định tại Bảng 4.

**Bảng 4**  
Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			
a	Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
	Chủ tịch hội đồng	Hội đồng	600	300
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (gồm thư ký khoa học)		500	250
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
b	Chi nhận xét đánh giá			
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)	01 phiếu	250	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		400	200
2	<b>Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ</b>			

	<b>KH&amp;CN cấp tỉnh. Chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&amp;CN cấp cơ sở</b>			
a	Chi họp hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	450
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (bao gồm thư ký khoa học)		600	300
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		550	300
<b>3</b>	<b>Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&amp;CN</b>	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng		550	300
	Thành viên		400	200
	Thư ký hành chính		250	150
	Đại biểu được mời tham dự	150	80	
<b>4</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&amp;CN</b>			
a	Chi họp hội đồng nghiệm thu	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	450
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (bao gồm thư ký khoa học)		600	300
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		700	350
<b>5</b>	<b>Chi họp Tổ chuyên gia đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh</b>			
a	Chi họp	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng		400	
	Thành viên		300	
b	Chi nhận xét	01 phiếu		
	Nhận xét của Tổ trưởng; Thành viên		300	

b) Ngoài mức chi tiền công tham gia các hội đồng tại Điểm a Khoản 1 Điều này, các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn, thẩm định tài

chính còn được thanh toán tiền phương tiện đi lại bao gồm: Thuê phương tiện chiều đi và về từ nhà đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi ở để di chuyển đến nơi tổ chức hội đồng và theo chiều ngược lại; phương tiện đi lại tại nơi đến họp: Từ chỗ nghỉ đến chỗ họp, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về); thuê phòng nghỉ và phụ cấp lưu trú theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Định mức chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định về chế độ công tác quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ); tổ chuyên gia (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Các định mức tại Quy định này là căn cứ để thống nhất định hướng chi, xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt./.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tấn Tuấn**